TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 4628/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2024
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Trần Đức Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 230/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 721524/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Phương T năm 1997
Nơi thường trú: 36/14 Đường A, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

Bị đơn: ông Lê Hồng S năm 1993
Nơi thường trú: 102/59 Đường D, khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: C Đường G, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2024 và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T1 trình bày

Bà Nguyễn Thị Phương T1 và ông Lê Hồng S1 tự nguyện tìm hiểu, năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc thời

gian đầu, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, giữa bà Nguyễn Thị Phương Thuyông Lê Hồng S2 ra cãi vã, ông S1 thường xuyên đi nhậu, không lo cho cuộc sống gia đình, mâu thuẫn kéo dài. Cuối năm 2023 ông bà đã ly thân đến nay, vợ chồng bà không còn quan tâm trách nhiệm gì với nhau, bà T1 không còn tình cảm với ông Lê Hồng S3 bà T1 yêu cầu ly hôn ông Lê Hồng S1

Về con chung: Hai ông bà có 01 con chung tên Lê Nguyễn Mẫn N (nữ), sinh ngày 16/01/2016. Ly hôn bà Nguyễn Thị Phương T1 yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà T1 không yêu cầu ông Lê Hồng Sơncấp D nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa;

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T1 có yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

[2] Đối với bị đơn ông Lê Hồng S1: Quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cho đến hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện Kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và không bổ sung gì thêm. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa và trong phiên tòa hôm nay bị đơn cũng không có mặt. Do đó đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Phương T1 và ông Lê Hồng S1 phát sinh từ quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại địa chỉ trên địa bàn

thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T1 có đơn yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn ông Lê Hồng S1 vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Phương T1 yêu cầu ly hôn với ông Lê Hồng S1.

Vấn đề này Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Phương T1 và ông Lê Hồng S1 là hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/4/2016. Theo bà T1 thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T1 và ông S1 bắt đầu từ năm 2022 kéo dài đến năm 2023 giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, bà T1 và S1 thường xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn kéo dài, cuối năm 2023 ông bà đã tách ra sống riêng và đã ly thân. Nay ông bà không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình, không còn tình cảm, không còn gắn bó trách nhiệm với nhau. Nên bà T1 yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông Lê Hồng S1 để ổn định cuộc sống.

Căn cứ vào hồ sơ đơn kiện, văn bản số 397/UBND ngày 04/5/2024 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, ý kiến ông S1 đề nghị được hòa giải, vì mâu thuẫn vợ chồng không lớn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông S1 vắng mặt, không đến Tòa có ý kiến và cũng không quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa ông và bà T1 cũng như có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T1 và S1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, trên thực tế đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó trách nhiệm đối với nhau. Do đó yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T1 là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của nguyên đơn bà T1 phù hợp với các giấy khai sinh số 87 ngày 07/4/2016 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì có đủ căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Thị Phương T1 và ông Lê Hồng S1 có 01 con chung tên Lê Nguyễn Mẫn N (nữ), sinh ngày 16/01/2016, khi ly hôn bà T1 yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Xét thấy, từ khi bà T1, ông S1 ly thân đến nay bà T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, do về thời gian đưa đón trẻ đi học và việc chăm sóc cho trẻ thuận tiện nên trẻ Lê Nguyễn Mẫn N cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, điều này cũng phù hợp, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con tên Lê Nguyễn Mẫn N. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật và đạo đức và trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện, bị đơn được Tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

[2.4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có, nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 482 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T1 được ly hôn ông Lê Hồng S1.

1.2 Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Mẫn N (nữ), sinh ngày 16/01/2016.

Giao con chung tên Lê Nguyễn Mẫn N (nữ), sinh ngày 16/01/2016 cho bà Nguyễn Thị Phương T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Lê Hồng S1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Phương T1 phải chịu, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000669 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Hồng S1 không phải nộp án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
Chi cục THADS TP. Thủ Đức
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Loan